

Bản án số: 56/2026/DS-ST

Ngày: 30-3-2026

V/v tranh chấp hợp đồng

mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hồng Phượng;

Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2026/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Cẩm T, sinh năm 1986. Là chủ hộ kinh doanh Tân Quang Minh 1.

Địa chỉ: Số B ấp H, xã N, thành phố Cần Thơ.

Chủ hộ theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Yến N, sinh năm 2001, địa chỉ: ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Dương Văn Á, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ;

2. Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 01 năm 2026 và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn là bà Phạm Thị Yến N trình bày:

Vào cuối năm 2015, ông T có thỏa thuận mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản

với ông Dương Văn Á và bà Đỗ Thị M thông qua lời nói, không thành lập thành văn bản. Đến năm 2019 thì cả 2 bên có xác lập hợp đồng mua bán hàng hoá. Nội dung giao dịch như sau: ông T sẽ cung cấp thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H, các nhãn hiệu khác cùng với thuốc và hóa chất nuôi trồng thủy sản cho ông Á và bà M nuôi tôm. Số lượng cụ thể sẽ được ông Á và bà M đặt hàng. Ông Á và bà M hoặc người nhà của ông Á có thể trực tiếp đến kho hàng để lấy hàng hoặc nhân viên bên ông T sẽ hỗ trợ vận chuyển. Khi nhận hàng sẽ tiến hành kiểm tra và ký vào sổ đối chiếu xác nhận giao nhận hàng tên “Chú 8 Ánh”. Về nghĩa vụ thanh toán: ông Á và bà M phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền hàng cho ông T khi thu hoạch tôm. Trường hợp bên phía ông Á và bà M nuôi tôm bị thất thu thì không đương nhiên làm mất nghĩa vụ thanh toán.

Trong thời gian thực hiện giao dịch, ông T đã tiến hành cung cấp đầy đủ số lượng hàng hóa theo yêu cầu của vợ chồng ông Á. Bên phía ông Á và bà M cũng không có phản ánh gì về số lượng, chất lượng, loại hàng hóa mà ông T đã cung cấp. Mặc dù ông T đã thực hiện đúng thỏa thuận, nhưng ông Á và bà M đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, cụ thể: đến cuối vụ tôm tháng 11/2022 vợ chồng ông Á đã không trả hết tiền hàng cho ông T, số tiền hàng còn nợ lại ông T đến ngày 04/12/2022 là 684.377.000 đồng. Ngày 14/10/2023 vợ chồng ông Á có tiếp tục gửi tiền cho ông T là 20.000.000 đồng để giảm nợ. Do hai bên đã ngừng mua bán nên ông T đã cử nhân viên liên hệ, làm việc với ông Á- bà M để thanh toán cho cho phù hợp. Hai bên cũng có đưa ra nhiều phương án để thanh toán nhưng không thống nhất.

Nay ông Trịnh Cẩm T là chủ Hộ kinh doanh T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết buộc ông Dương Văn Á và bà Đỗ Thị M trả cho ông T số tiền nợ gốc là 664.377.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn đồng). Ông Dương Văn Á và bà Đỗ Thị M phải thanh toán số tiền trên cho ông T một lần ngay khi bản án quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật và phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật kể từ khi Tòa tuyên án đến khi trả hết nợ cho ông T.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Dương Văn Á trình bày: Ông và vợ ông là bà Đỗ Thị M có mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản của ông Trịnh Cẩm T là chủ Hộ kinh doanh Tân Quang Minh 1 theo như đại diện nguyên đơn trình bày. Hiện nay ông và bà Đỗ Thị M còn nợ ông Trịnh Cẩm T là chủ Hộ kinh doanh Tân Quang Minh 1 số tiền 664.377.000 đồng là đúng. Tuy nhiên hiện nay ông và bà M hoàn cảnh gia đình khó khăn, chưa có khả năng thanh toán.

- Tại phiên tòa, bị đơn bà Đỗ Thị M trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông Dương Văn Á.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[1.1] Nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T là chủ Hộ kinh doanh T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Dương Văn Á và bà Đỗ Thị M trả số tiền do mua thức ăn tôm còn nợ lại gốc là 664.377.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, bị đơn

ông Á, bà M cũng thừa nhận hiện nay còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 664.377.000 đồng do mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản là đúng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời trình bày của đại diện nguyên đơn là có căn cứ và nguyên đơn không cần phải chứng minh.

[1.2] Việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc cho nuôi thủy sản là tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán được điều chỉnh tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự được pháp luật bảo vệ. Ông Trịnh Cẩm T đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho bên mua là ông Dương Văn Á và bà Đỗ Thị M. Ông Á, bà M đã nhận đủ tài sản do ông T chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình nhưng ông Á, bà M chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông T theo thỏa thuận và ông Á, bà M còn nợ của ông T là chủ hộ Hộ kinh doanh Tân Quang M1 1 số tiền là 664.377.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó, ông Trịnh Cẩm T là chủ hộ Hộ kinh doanh T1 yêu cầu ông Á, bà M trả số tiền nợ 664.377.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông Trịnh Cẩm T là chủ hộ Hộ kinh doanh T1 được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Dương Văn Á phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ông Á, sinh năm 1954 và bà Đỗ Thị M, sinh năm 1956 là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn yêu cầu miễn nộp tiền án phí nên bị đơn thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T là chủ Hộ kinh doanh Tân Quang Minh 1.

2. Buộc bị đơn ông Dương Văn Á và bà Đỗ Thị M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Trịnh Cẩm T là chủ Hộ kinh doanh Tân Quang Minh 1 số tiền nợ gốc là 664.377.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T là chủ Hộ kinh doanh T1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.287.000 đồng (Mười lăm triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002651 ngày 05/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bị đơn ông Dương Văn Á và bà Đỗ Thị M được miễn án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Các đương sự, đại diện DS;
- TAND TPCT;
- Phòng THADS khu vực 8 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trần Thị Mến